

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TỪ KINH NGHIỆM THỜI NGUYỄN VÀ GỢI Ý CHO NƯỚC TA HIỆN NAY

TRƯƠNG VĨNH KHANG* - CAO VIỆT THẮNG**

Bài viết nghiên cứu bối cảnh xã hội là cơ sở để nhà Nguyễn thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thời nhà Nguyễn, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về kiểm soát quyền lực nhà nước và chống tham nhũng cho Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Kiểm soát quyền lực nhà nước, kinh nghiệm thời nhà Nguyễn.

Ngày nhận bài: 27/10/2022; Biên tập xong: 27/10/2022; Duyệt đăng: 28/10/2022

This article studies the social context that was the basis for the Nguyen Dynasty to establish the mechanism to control state power and this mechanisms for controlling state power in the Nguyen Dynasty, thereby brings out lessons on controlling state power and anti-corruption for Vietnam currently.

Keywords: Controlling state power, experience of the Nguyen Dynasty.

1. Bối cảnh xã hội nhà Nguyễn

Năm Nhâm Tuất 1802, triều đại nhà Nguyễn bắt đầu trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Các vua nhà Nguyễn, từ Gia Long đến Tự Đức, kế tiếp nhau xây dựng và củng cố nền thống trị, bảo vệ chế độ phong kiến trong bối cảnh khủng hoảng suy vong. Tuy nhiên, trong hơn nửa đầu thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam dưới triều nhà Nguyễn hầu như không phát triển lên được theo chiều hướng tiến bộ của thời đại. Mâu thuẫn của xã hội sâu sắc làm bùng lên hàng loạt các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân, và khởi nghĩa của dân tộc thiểu số như: Khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821 - 1827), khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833 - 1835), khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833 - 1835), khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 - 1856)...

Về tình hình chính trị: Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đóng đô ở Phú Xuân (Huế), giữ nguyên các đơn vị hành chính cũ của hai miền, đặt quan chức giữ trấn. Năm Giáp Tý 1804, vua Gia Long đổi tên nước là Việt Nam, đến năm Mậu Tuất 1838, vua Minh Mệnh lại đổi quốc hiệu là Đại Nam. Chính quyền trung ương được tổ chức như các triều đại trước, đứng đầu

là vua, nắm mọi quyền hành. Dưới vua là 6 Bộ và 5 phủ đô đốc, ngoài ra có Đô sát viện (Ngự sử đài cũ); Hàn lâm viện, Tôn nhân phủ; Quốc tử Giám, Nội vụ phủ v.v... giúp vua còn có Văn thư phòng, sang thời Minh Mệnh đổi thành Nội các, chuyên lo việc công văn giấy tờ và đi theo vua. Vua Minh Mệnh còn đặt thêm Viện Cơ Mật, gồm bốn viên đại thần chuyên bàn với vua các việc “quốc gia đại sự”.

Về luật pháp: Năm Tân Mùi 1811, vua Gia Long giao cho Tổng trấn Bắc thành là Nguyễn Văn Thành tổ chức biên soạn bộ luật mới. Đến năm Ất Hợi 1815, bộ luật nhà Nguyễn được biên soạn xong và ban hành với cái tên là Hoàng triều luật lệ, hay Luật Gia Long gồm tất cả 398 điều, chia thành 7 chương và 30 điều tạp tụng. Luật Gia Long là một bộ luật hà khắc, phản ánh rõ nét chuyên chế của giai cấp thống trị. Mọi tội phạm liên quan đến việc chống đối triều đình đều bị trừng trị tàn bạo. Tuy nhiên, Luật Gia Long cũng có mặt tích cực là trừng trị nặng tội tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

* Tiến sĩ, Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Nhà nước và pháp luật

** Thạc sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật

2. Các cơ chế kiểm soát quyền lực triều Nguyễn

Có thể thấy rằng, giai đoạn lịch sử từ năm 1802 đến năm 1884 là giai đoạn độc lập của nhà Nguyễn đã thực hành hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước nhất quán theo mục đích kiểm soát theo nguyên tắc xác lập địa vị tối cao của ngôi vua với các phương pháp: *Một là* cơ chế kiểm soát quyền lực bằng tổ chức hệ thống các cơ quan ở trung ương. *Hai là* kiểm soát quyền lực bằng tổ chức các cơ quan hành chính ở địa phương. *Ba là* kiểm soát quyền lực bằng luật hồi tị. *Bốn là* kiểm soát đặc biệt.

Dựa trên nền tảng tư tưởng Nho giáo, nhà nước quân chủ triều Nguyễn luôn luôn chú trọng thể chế hóa tư tưởng Nho giáo vào pháp luật nhằm bảo vệ hệ tư tưởng này; đồng thời ngày càng đẩy mạnh việc xác lập địa vị tối cao của nhà vua, tập trung mạnh mẽ quyền lực về ngôi vua. Với mục đích đó, triều Nguyễn đã xây dựng nên hệ thống cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước rất mạnh mẽ.

2.1. Kiểm soát bằng hệ thống cơ quan chuyên môn ở trung ương

Đây là chế độ giám sát độc lập thông qua sự giám sát của một viên quan hoặc các cơ quan giám sát chuyên môn và không có ngoại lệ theo nguyên tắc «lớn nhỏ, trong ngoài cùng ràng buộc lẫn nhau». Bộ máy nhà nước được thiết lập nhằm giúp việc cho nhà vua cai trị đất nước. Việc thiết lập các cơ quan giám sát chuyên môn ở trung ương đã giúp cho nhà vua nắm được quyền lực của mình.

Cùng với Lục khoa và Ngự sử đài ở trung ương, tất cả tạo thành một hệ thống liên hoàn, chặt chẽ và quy củ. Các cơ quan này tồn tại trong mối quan hệ vừa cộng tác, phối hợp với nhau thực hiện nhiệm vụ, lại vừa kiểm chế, giám sát lẫn nhau tạo nên một hệ thống giám sát chéo, giám sát kép trong hoạt động thanh tra nhà nước. Các cơ quan đó chính là “tai mắt” của nhà

vua, giúp nhà vua kiểm soát quyền lực của mình và giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Hoạt động của cơ quan này đã góp phần làm lành mạnh hoá bộ máy chính quyền các cấp.

Thời Nguyễn, các cơ quan giám sát chuyên môn được thành lập như Lục khoa, Ngự sử đài về cơ bản giống như thời Lê Sơ, tuy cũng có một vài thay đổi. Ngự sử đài được gọi là Đô sát viện, đứng đầu Đô sát viện là 4 viên trưởng quan. Nguyên tắc hoạt động của Đô sát viện là hoàn toàn độc lập. Cơ quan này không chịu sự giám sát của bất kỳ cơ quan nào khác, mỗi viên quan này đều có quyền hoặc tâu lên nhà vua và không cần xin ý kiến người đứng đầu Đô sát viện.

2.2. Kiểm soát quyền lực bằng cải tổ các đơn vị hành chính nhà nước ở địa phương

Giám sát quyền lực các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là giám sát của cơ quan chính quyền cấp trên đối với chính quyền cấp dưới. Hoạt động giám sát này do chính các viên quan phụ trách đơn vị hành chính địa phương cấp trên đảm nhiệm nhằm phát hiện các sai trái của thuộc hạ mình ở cùng cấp hoặc ở cấp dưới trực tiếp.

Đối với cấp tỉnh

Cấp tỉnh là cấp chính quyền địa phương trực tiếp trực thuộc chính quyền trung ương. Qua các đời vua nhà Nguyễn, chính quyền này được tổ chức theo hướng ngày càng bảo đảm sự chi phối và bị giám sát bởi chính quyền trung ương.

Vào thời Nguyễn, kể từ năm 1831, Minh Mạng đã tiến hành cải cách bộ máy hành chính cả nước được chia làm 30 tỉnh và liên kết thành 14 tỉnh trừ Thanh Hoá và phủ Kinh Đô đứng độc lập. Các tỉnh được chia thành 3 loại: lớn, nhỏ và trung. Đứng đầu liên tỉnh là quan tổng đốc, đứng đầu tỉnh nhỏ và vừa là quan tuần phủ. Để chi phối và giám sát quyền lực nhà nước

đối với cấp tỉnh và quan hàng tỉnh, Minh Mạng đã bổ nhiệm những đại thần thân cận làm tổng đốc, cử giám sát ngự sử ở các đạo đóng tại liên tỉnh để giám sát hoạt động cai trị của quan lại. Giám sát ngự sử có quyền hặc, bắt lỗi từ tổng đốc trở xuống.

Như vậy, trong quá trình phát triển bộ máy chính quyền cấp tỉnh, nhà Nguyễn đã thiết lập sự giám sát chặt chẽ của chính quyền trung ương đối với chính quyền địa phương, đồng thời phân lập 3 quyền: quản lý hành chính, xét xử và chỉ huy quân sự. Thông qua cách thức kiểm soát quyền lực này, nhà Nguyễn đã phần nào kiểm soát được xu hướng ly khai cát cứ tại các địa phương trong giai đoạn độc lập của mình từ năm 1802-1883.

Đối với cấp huyện, châu

Đây là cấp chính quyền trung gian. Song song với việc tuân thủ pháp luật của triều đình, nhà vua giao nhiều quyền hành cho quan tri châu trong cai trị dân chúng ở địa phương theo phong tục tập quán, xét xử theo tục lệ.

Đến thời nhà Nguyễn, trong giai đoạn đầu, Gia Long đặt phủ là đơn vị hành chính tiếp nối giữa trấn, dinh tỉnh với huyện, châu. Về chức năng, nhiệm vụ: Tri phủ, tri huyện phải đôn đốc thuế khoá, binh lương, sai dịch, xét xử các việc hộ, hình. Thời kỳ trước năm 1828, các quan tri châu, tri huyện ở các vùng thiểu số được thiết lập theo chế độ thế tập (chế độ thổ tù). Bắt đầu từ năm 1828, Minh Mạng đã tiến hành dần cải cách chế độ làm quan thế tập và thay vào đó là chế độ bổ nhiệm những người có tài năng, uy tín để đảm nhiệm các chức quan ở những vùng dân tộc thiểu số. Theo tài liệu cũ ghi lại mục đích việc cải cách này xuất phát từ việc: *"bãi bỏ lệ thế tập của các thổ tù và cử trong hạt ai là người thanh liêm, tài năng, cần mẫn, vốn được dân tin phục thì cử tâu lên"*¹. Theo

các quy định này, thực chất triều đình nhà Nguyễn đã thay thế chế độ cha truyền, con nối trước đây bằng việc bổ nhiệm các quan địa phương là những người có năng lực, đồng thời cũng thay thế quyền quyết định đối với quan chức địa phương của quan trấn thủ bằng hành động trực tiếp can dự của triều đình trung ương đối với việc bổ nhiệm các quan chức này.

Tiếp đến, để tăng cường hơn nữa sự giám sát quyền lực của nhà nước trung ương đối với cấp hành chính huyện, châu này, Minh Mạng còn tiến hành thay thế chế độ "thổ tù" bằng chế độ "lưu quan". Biện pháp này trở thành chính sách mới trong cai trị đất nước dưới triều Nguyễn. Từ đây, chế độ "thổ tù" dần được thay bằng chế độ "lưu quan" và câu *"cải thổ quy lưu"* trong dân gian, có nghĩa là cải cách chế độ thổ quan bằng chế độ lưu quan cũng từ đây mà ra.

Đối với cấp xã

Trong suốt quá trình phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam, chính quyền cơ sở luôn là cấp xã. Thời Nguyễn, do có sự bất ổn về chính quyền địa phương nên chính quyền làng xã bị cường hào lũng đoạn. Trước tình hình đó, nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách củng cố và giám sát đối với cấp xã ở hai phương diện: vừa củng cố tính tự quản của làng xã, vừa hành chính hoá bộ máy chính quyền cơ sở. Theo đó, chính quyền cấp xã thời Nguyễn gồm 2 cơ quan là cơ quan quyết nghị và cơ quan chấp hành. Cơ quan quyết nghị không do dân bầu gồm các thành viên có đủ điều kiện theo quy định của hương ước, thường là người khoa bảng, đã từng làm quan hoặc có phẩm hàm do vua ban, có tài sản, hoặc là người có uy tín trong làng. Cơ quan chấp hành là hội đồng chức dịch bao gồm lý trưởng, phó lý và trương tuần. Lý trưởng và phó lý đều do dân bầu và có nhiệm vụ rất nặng nề: quản lý đất công làng xã, dân đinh, đôn đốc và thu thuế ruộng và thuế

¹ Văn Tạo, Sử học và hiện thực, Mười cuộc cách mạng đổi mới trong lịch sử Việt Nam, tập 2, NXB Khoa học

xã hội, 1999, tr. 284.

đình, đồn đốc nghĩa vụ binh dịch. Ngoài ra, họ còn có trách nhiệm về mọi việc chung của làng xã, giữ gìn trật tự trị an, quản lý việc sửa đường, vét sông, làm thủy lợi... Để giám sát lý tưởng, pháp luật nhà Nguyễn quy định rằng, sau khi được dân bầu, lý trưởng phải được cai tổng giới thiệu để quan huyện, quan phủ xét trình lên quan đứng đầu tỉnh phê duyệt bằng văn bản.

Như vậy, sự giám sát của nhà nước đối với các cấp chính quyền địa phương thời Nguyễn luôn có xu hướng bảo đảm tính tập quyền chuyên chế, quyền lực nhà nước ngày càng tập trung vào chính quyền trung ương đứng đầu là nhà vua và kiểm soát được tình trạng cát cứ ở các địa phương.

2.3. Kiểm soát quyền lực nhà nước bằng luật hồi tị

Hồi tị xuất hiện lần đầu tiên và sớm nhất ở Trung Quốc vào thời nhà Tùy (581-619), nguyên nghĩa là tránh né, lánh đi. Như vậy, “hồi tị” có thể hiểu trong bối cảnh này là quy tắc tránh việc quan lại trở về chốn xuất thân làm quan. Với ý nghĩa ban đầu như vậy, sau này được bổ sung thêm, theo đó chính sách hồi tị ngoài việc không cho phép quan lại địa phương làm quan ở quê hương, còn cấm họ làm quan ở nơi có bà con là thuộc liêu (quan cấp dưới), hoặc nơi có gia đình nhà vợ, người thân trong gia tộc. Luật hồi tị đối với quan lại có những biến thể khác nhau ở từng thời kỳ, tại từng quốc gia khác nhau nhưng nhìn chung, tinh thần xuyên suốt của hồi tị là để ngăn ngừa tham nhũng, kéo bè kết cánh theo dòng tộc hay thân thuộc của quan chức địa phương giúp chính quyền trung ương tập quyền kiểm soát quyền lực.

Dưới triều Nguyễn, Luật hồi tị được ban hành từ triều Minh Mạng vào năm 1831 và được sửa đổi bổ sung vào năm 1836. Luật hồi tị của triều Nguyễn cơ bản kế thừa từ các quy định của Quốc triều hình luật thời Lê Thánh Tông nhưng được

bổ sung, mở rộng phạm vi áp dụng với những quy định nghiêm ngặt hơn. Cụ thể: Các quy định của luật hồi tị trong Đại Nam điển lệ (toát yếu)² quy định:

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) các chức Thông phán, Kinh lịch phần nhiều là người trong địa phương... Do đó, vì tình riêng làng nước, khó lòng khỏi sự tư tui sinh ra nhiều tệ hại. Để tránh những việc lợi dụng tình riêng bất chấp pháp luật, vua Minh Mạng cấm các quan không được đứng đầu tỉnh của mình mà phải đứng đầu ở một tỉnh khác.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836) tại định thêm: Lại mục, thông lại không được làm việc ở huyện nguyên quán mà phải đi làm việc ở một huyện khác. Điều 209 quy định:

- Những khảo quan (chấm thi, coi thi...) nào có thân thích ứng thí ở trường thi mình có trách nhiệm thì phải khai báo và hồi tị để nhà nước cử người khác đến thế. Nếu cố tình không khai báo sẽ bị trọng tội vì cố ý làm trái.

- Về việc điều tra, thanh tra, xét xử cũng thế. Một quan chức khi phải điều tra, thanh tra, xét xử một vụ án mà có người thân quen của mình (dâu, rể, sui gia, bà con nội ngoại, người đồng hương...) đều phải khai báo và hồi tị ngay.

2.4. Kiểm soát đặc biệt

Kiểm soát đặc biệt là hình những hình thức giám sát theo vụ việc, theo đó nhà vua trực tiếp thực hiện hoặc do đoàn giám sát của nhà vua thực hiện khi cần thiết nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền lực của nhà vua, những quyết định của

² Tư Canh Thìn khoa nhị giáp đồng tiến sĩ, Hiệp biện đại học sĩ sung Bắc Kỳ thống sứ phủ hội đồng thanh tra sự Gia Xuyên Đỗ Văn Tâm phụng duyệt. Sách gồm 04 quyển, q.1: Lại lệ; q.2: Hộ lệ; q.3: Lễ lệ; q.4: Binh, Hình, Công lệ. Nội dung tóm lược điển lệ của các Bộ trong triều đình phong kiến thời Nguyễn. Bản gốc chữ Hán lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/104/page/1. Bản dịch do Nguyễn Sĩ Giác thực hiện. Nxb Tp. HCM, 1993

nhà vua đảm bảo được thực hiện trên thực tế. Giám sát trực tiếp của nhà vua được thực hiện qua các cuộc vi hành. Nhà vua trực tiếp đi xuống các địa phương kiểm tra hoạt động của quan lại và dân chúng trong việc thực hiện các công việc như đắp đê trị thủy, sản xuất nông nghiệp, xét xử những vụ án đặc biệt...

Đoàn giám sát thường bao gồm những quan đại thần có hạnh kiểm, kinh nghiệm và uy tín cao. Trong quá trình giám sát tại địa phương, đoàn giám sát được trao quyền rộng rãi, được chủ động giải quyết vụ việc trên cơ sở phát hiện các sai trái của quan lại. Hình thức giám sát này có thể được xem là một hình thức giám sát đặc biệt thông qua hoạt động hàn hặc (trao đổi mang tính chất phản biện) của các quan lại cao cấp trước một quyết định chưa hợp lý của nhà vua hoặc thông qua hoạt động của viên Giám quan. Vào thời Nguyễn, chế độ giám sát đặc biệt này được thực hiện bởi Kinh lược đại sứ. Trong trường hợp đặc biệt, Minh Mạng thường cử một hoặc hai viên đại thần làm Kinh lược đại sứ đi kinh lý các tỉnh.

Kinh lược đại sứ được nhà vua trao quyền đại diện xử quyết các vụ quan lại tham nhũng, nhưng nếu là quan cấp tỉnh thì phải tâu xin lệnh chỉ của nhà vua. Chế độ Kinh lược sứ được tiến hành khá thường xuyên đến thời Tự Đức. Đây là một trong những hình thức giám sát đặc biệt giúp nhà vua củng cố trật tự quản lý hành chính, nâng cao hiệu quả cai trị của bộ máy nhà nước.

3. Bài học kinh nghiệm về kiểm soát quyền lực nhà nước cho nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phòng chống tham nhũng cho nhà nước ta hiện nay

3.1. Bài học về kiểm soát quyền lực nhà nước trong giai đoạn hiện nay

Nghiên cứu từ lịch sử về cách thức kiểm soát quyền lực nhà nước thời Nguyễn có giá trị thực tiễn hiện nay đối với nước ta

hiện nay, có thể rút ra 3 bài học lớn trong kiểm soát quyền lực nhà nước, đó là:

Một là, xây dựng hệ thống cơ chế kiểm tra giám sát mang tính độc lập. Trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, kiểm soát quyền lực được xác định là một nhu cầu, đòi hỏi cấp bách cần thiết phải được đặt ra thường xuyên liên tục. Theo đó, kiểm soát bên trong nhà nước ta có thể chia làm hai nhóm: Cơ chế tự kiểm tra, giám sát của mỗi hệ thống và cơ chế kiểm tra, giám sát từ bên ngoài hệ thống có khả năng kiểm tra, giám sát toàn bộ hệ thống các cơ quan nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bộ máy kiểm tra, giám sát không là bộ phận hợp thành bên trong của hệ thống quyền lực, có tính độc lập cao để bảo đảm khách quan, công tâm giám sát có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, bài học về tăng cường kiểm tra chuyên đề, đi cơ sở, thăm hỏi địa phương và người dân của người đứng đầu bộ máy nhà nước. Đây là việc làm cần thiết tiến tới trở thành quy chế hoạt động và một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của người đứng đầu.

Những vị vua thời Nguyễn giai đoạn độc lập đã thực hiện nhiều hoạt động tuần thú, với tư cách cá nhân hoặc cử chức quan kinh lược đại sứ đi cơ sở tuần thú kiểm tra, đôn đốc và xử lý các vi phạm rất có giá trị trong việc trị vì đất nước. Từ thực tiễn của lịch sử có thể thấy trong giai đoạn hiện nay, cần tăng cường các hoạt động của người đứng đầu như Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, các Bộ trưởng... gắn với các hoạt động kiểm tra, kiểm tra chuyên đề tại cơ sở trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội ở địa phương, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân là một trong những đòi hỏi cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động thanh tra, kiểm tra của người đứng đầu bộ máy nhà nước, đứng đầu ngành, lĩnh vực đối với cơ sở cần gắn với khảo sát đời sống

xã hội của người dân, lắng nghe được ý kiến của người dân để từ đó làm căn cứ ra quyết định cũng như ban hành chính sách sát với nhu cầu của người dân, thực hiện được hoạt động này sẽ nâng tầm uy tín của nhà nước đối với nhân dân.

Ba là, xây dựng cơ chế giám sát nội bộ hữu hiệu trong cùng một cơ quan. Có thể lấy ví dụ về việc triều đình nhà Nguyễn sử dụng các lưu quan tại tri huyện, tri châu và việc cho các viên chức là thổ quan thì chuẩn theo lưu quan khi thừa hành công vụ và đồng thời ràng buộc lẫn nhau. Bài học này gợi ý với việc lưu chuyển cán bộ do trung ương và đồng thời sử dụng cán bộ tại địa phương hiện nay. Cơ chế này tạo ra sự giám sát của những người được điều chuyển và những người được bầu tại địa phương.

3.2. Bài học về phòng chống tham nhũng cho nhà nước ta hiện nay

Từ thực tiễn lịch sử kiểm soát quyền lực nhà nước triều Nguyễn, có thể rút ra 2 bài học lớn về hoạt động phòng chống tham nhũng đối với nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay:

Một là, bài học về phải xét xử nghiêm minh và tăng nặng hình phạt nặng với nạn tham nhũng, làm trong sạch bộ máy, người có ý định vi phạm phải sợ không dám tham nhũng điều này mới gây dựng được niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Để kiểm soát quyền lực, nhất là việc lạm quyền, lợi dụng quyền lực để trục lợi, triều Nguyễn coi tội tham nhũng là tội phạm nghiêm trọng, gây tác hại nhiều mặt cho xã hội cần phải nghiêm trị. Vương triều Nguyễn, nhất là Vua Minh Mệnh luôn coi tham nhũng là loại tội phạm rất nghiêm trọng, cần phải nghiêm khắc trừng phạt để đội ngũ quan lại không “khinh nhờn pháp luật”. Qua đó có thể thấy xét xử nghiêm minh, hình phạt nặng đối với tội tham nhũng là một trong những bài học cần được tiếp thu cho nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn hiện nay cần thiết phải ghi nhận về mức phạt cao nhất là tử hình đối với nhóm tội phạm về tham nhũng mới có thể răn đe ngăn chặn loại tội phạm này.

Hai là, bài học về xây dựng được hệ tư tưởng từ người dân đến cán bộ công quyền về việc coi tham nhũng là giặc nội xâm phải kiên quyết đấu tranh. Không chỉ xét xử nghiêm minh, áp dụng hình phạt mạnh là bài học kinh nghiệm mà còn cần phải xây dựng được hệ tư tưởng từ người dân đến cán bộ công quyền về việc coi tham nhũng là giặc nội xâm phải kiên quyết đấu tranh. Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay cần tuyên truyền giáo dục, xây dựng được ý thức của người dân quan niệm về tham nhũng là giặc nội xâm để người dân cùng với hệ thống chính trị đấu tranh không khoan nhượng đến mức loại trừ tệ nạn tham nhũng khỏi đời sống xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

Có thể thấy, những bài học kinh nghiệm từ việc kiểm soát quyền lực của bộ máy hành chính nhà nước và các quan lại dưới Vương triều Nguyễn vẫn còn giá trị thực tiễn hiện nay, nhất là trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh cải cách hành chính, kiểm soát chặt chẽ quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền... Chúng ta nên học tập, tiếp thu những giá trị tích cực phù hợp với hạ tầng cơ sở và kiến trúc thượng tầng của nước ta ngày nay. Trong đó, đặc biệt vận dụng kinh nghiệm về kiểm soát quyền lực, chống tham nhũng của Vương triều Nguyễn để xây dựng được cơ chế phòng ngừa hữu hiệu để “không thể tham nhũng”; cơ chế, chế tài xử lý nghiêm khắc, chặt chẽ, nghiêm minh để “không dám tham nhũng”; chế độ đãi ngộ hợp lý để “không cần tham nhũng”; cơ chế và ý thức trách nhiệm, gương mẫu, nêu gương sáng để “không muốn tham nhũng”, trong đó, tập trung chú trọng “không thể tham nhũng” và “không dám tham nhũng”./.